

Bản án số: **36/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-11-2019
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thời
2. Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 534/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1968.

Bị đơn: Ông **Đàm Văn Đ**, sinh năm 1967.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại và trú tại khu 3, phường TK, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Bà Th, ông Đ đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện GL (nay là UBND phường TK, thành phố HD) vào năm 1987 nhưng không nhớ ngày tháng nào. Do thời gian đã lâu, bà bị thất lạc giấy đăng ký kết hôn nên không cung cấp được cho Tòa án. Sau đó, bà và ông Đ được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 06/5/1987 âm lịch. Sau khi kết hôn vợ chồng bà gần như

không có thời gian nào hạnh phúc do có nhiều xung khắc, bất đồng dẫn đến hay xảy ra cãi vã nhưng nghĩ vì các con còn nhỏ nên bà cố gắng nhẫn nhịn, song thực chất cuộc hôn nhân của vợ chồng bà không có hạnh phúc. Thời gian gần đây, ông Đ có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Ông Đ thường xuyên lấy lý do đi làm để vắng nhà. Khi bà và gia đình, người thân góp ý thì ông Đ còn dọa nạt, thậm chí sử dụng bạo lực với bà. Do sợ hãi cuộc sống như vậy nên bà đã phải đi thuê nhà trọ để tránh ông Đ mỗi lần về nhà lại kiếm cớ gây sự. Bà xác định vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để bà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 03 con chung là Đàm Văn Th - sinh ngày 11/3/1989, Đàm Thị Th - sinh năm 1992, Đàm Văn T - sinh ngày 09/11/1994. Cháu Th đã mất năm 2007, cháu Th và cháu T đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, về công sức đóng góp với gia đình hai bên: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Đàm Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Ông xác định bà Th trình bày về thời gian đăng ký kết hôn, tổ chức đám cưới và quá trình chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng là đúng. Về giấy đăng ký kết hôn ông và bà Th không cung cấp được cho Tòa án vì thời gian đã lâu bị thất lạc. Hiện nay, do mâu thuẫn vợ chồng ông và bà Th đã sống ly thân mỗi người một nơi. Tuy nhiên, ông cũng không có biện pháp nào để khắc phục được tình trạng này. Bà Th xin ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà Th.

- Về con chung: Ông và bà Th có 03 con chung là Đàm Văn Th - sinh ngày 11/3/1989, Đàm Thị Th - sinh năm 1992, Đàm Văn T - sinh ngày 09/11/1994 như bà Th trình bày là đúng. Hai con chung là Th, T đã trưởng thành, cháu Th là con thứ 2 đã mất năm 2007. Về con chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà Th tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, về công sức đóng góp với gia đình hai bên: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD phát biểu quan điểm:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Không công nhận bà Phạm Thị Th và ông Đàm Văn Đ là vợ chồng;

- Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HD giải quyết việc hôn nhân giữa bà và ông Đàm Văn Đ. Xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đàm Văn Đ hiện cư trú tại khu 3, phường TK, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố HD thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị Th và ông Đàm Văn Đ đều trình bày được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường TK, thành phố HD) vào năm 1987 song không nhớ ngày tháng nào. Sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào 06/5/1987 âm lịch nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án đã xác minh tại Phòng Tư pháp thành phố HD và UBND phường TK đều thể hiện không còn lưu trữ sổ sách theo dõi về việc đăng ký kết hôn của công dân năm 1987, 1988. Theo cung cấp của UBND phường TK qua tra cứu sổ sách theo dõi về đăng ký kết hôn của công dân từ năm 1989 đến nay không thể hiện ông Đàm Văn Đ kết hôn với bà Phạm Thị Th. Bà Th và ông Đ đều trình bày thống nhất về việc có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ ngày 06/5/1987 nhưng không có tài liệu xác định ông bà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên

thực sự không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông Đ.

- Về quan hệ con chung: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Th đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân với ông Đ nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Th và ông Đàm Văn Đ

[2]. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007202 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD (bà Th đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố HD;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa